

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘ ĐỨC  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Vương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Lệ Nguyên

2. Ông Phan Trường Chinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Thuyền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, địa chỉ: Thôn Hội An 1, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng N

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh A, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Chị N vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Anh A vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/2/2022, bản tự khai ngày 14/2/2022, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh A tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 01 tháng 02 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2014 thì chị bệnh nên đi điều trị nhiều nơi nhưng anh A và gia đình phía anh A không quan tâm đến chị, từ đó chị chán nản nên về phía cha mẹ đẻ chị ở và ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm giữa chị và anh n không còn, chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh A.

Về con chung: Chị và anh An có 01 con chung tên Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 12/9/2012. Hiện nay con cùng đang sống với chị; khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Anh Nguyễn Thanh A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Thanh A.

+ Giao con chung tên Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 12/9/2012 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh An cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thanh A đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Thanh A kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh A là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh A có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị N và anh A ly thân từ năm 2014 đến nay. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh A là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Thanh A.

[2.2] Về con chung:

Chị Lê Thị Nhung và anh Nguyễn Thanh A có 01 con chung tên Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 12/9/2012. Theo lời trình bày của cháu M thì cháu mong muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu M đang ở với chị N; đồng thời cháu M có nguyện vọng được ở với chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Thanh A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 12/9/2012 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Thanh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000092 ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Minh Vương**